

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT SỐ 1 TÔN ĐỨC THẮNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2025 – 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Số 1 Tôn Đức Thắng.

2. Địa chỉ.

- Trụ sở chính: Xã Tam Giang, Tỉnh Đắk Lắk.

- Số điện thoại: 02623 708 368.

- Cổng thông tin điện tử: <https://c3tonducthang.daklak.edu.vn>

3. Loại hình: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- **Sứ mạng:**

Xây dựng môi trường học tập chất lượng, nền nếp, kỷ cương, thân thiện, đạt hiệu quả trong giáo dục đạo đức, lối sống và trang bị kỹ năng sống, kỹ năng thực hành cho học sinh

- **Tầm nhìn:**

Trường THPT Số 1 Tôn Đức Thắng quyết tâm trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, giáo dục ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt và hạnh phúc.

- **Mục tiêu:**

Xây dựng nhà trường đoàn kết, có chất lượng giáo dục phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Huy động các nguồn lực để hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị, chăm lo cho học sinh khó khăn. Đến năm 2030 được công nhận trường chuẩn quốc gia theo quy định.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THPT Số 1 Tôn Đức Thắng được thành lập theo Quyết định số 1544/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk; chính thức đi vào hoạt động từ ngày 20 tháng 8 năm 2012 với tên trường THPT Tôn Đức Thắng; đến năm 2025 trường được đổi tên thành trường THPT Số 1 Tôn Đức Thắng đến nay.

Trường Trung học phổ thông Số 1 Tôn Đức Thắng là cơ sở giáo dục phổ thông

của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Trường trung học cơ sở, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ GDĐT và các quy định pháp luật có liên quan. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng hoạt động theo quy định của pháp luật.

Hiện trường có 21 lớp với hơn 800 học sinh. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 48 người, cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn. Nhà trường đang từng bước phấn đấu trở thành một ngôi trường có chuyển biến về chất lượng giáo dục của tỉnh Đắk Lắk.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48	0	7	35	2	2	2
I	Giáo viên	37	0	6	35	0	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:							
1	Toán	6		1	4			
2	Lý	4		3	1			
3	Hóa	3		2	2			
4	Sinh học	4			4			
5	Tin học	2			2			
6	Ngữ văn	6			5			
7	Lịch sử	2			2			
8	Lịch sử-GDCD	1			1			
9	GDCD-GDQP	1			1			
10	Địa lý	2			2			
11	Thể dục	2			2			
12	GDQP	2			5			
13	Ngoại ngữ	5			4			
II	Cán bộ quản lý	2	0	2	0	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	Phó hiệu trưởng	0		0				
III	Nhân viên	8	0	0	2	2	2	2
1	Nhân viên văn thư - thủ quỹ	1				1		

2	Nhân viên kế toán	1			1			
3	Nhân viên y tế	1					1	
4	Nhân viên thư viện	1				1		
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1			
6	Bảo vệ	2					1	1
7	Tạp vụ	1						1

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	32	3.4 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	32	3.4 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	0	0
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	21	2,3 m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	1	2,02 m ² /học sinh
8	Bình quân học sinh/lớp	43	2,02 m ² /học sinh
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	19500 m ²	25 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	9500 m ²	12.2 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	2656	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1577m ²	2,02 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	41,5 m ²	0.05 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	

TRƯỜNG

5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	41,5 m ²	0.05 m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		
	(Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	
1.1	Khối lớp 10	6	0.3 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 11	5	0.2 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12	5	0.2 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	20	
2.1	Khối lớp 10	10	0.6 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 11	5	0.3 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 12	5	0.3 bộ/lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	83	0.1 bộ/Học sinh
	(Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	74	3.9
1	Ti vi	25	1.1 bộ/lớp
2	Cát xét	2	0.105 bộ/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	0
5	Thiết bị khác...	45	2.368 bộ/lớp
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	21	1.05
2	Cát xét	2	0.10
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	0
5	Thiết bị khác...	45	2.25
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)	
--	----------	----------------------------	--

X	Nhà bếp	0	0
XI	Nhà ăn	0	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	07 Phòng, 175m ²	9	19.4

		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
XIV	Nhà vệ sinh					
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		0.16

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Kết quả học tập

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường		824	66	8.01	306	37.1	414	50.2	38	4.61
1	Khối 10	298	16	5.37	68	22.8	184	61.7	30	10.1
1.1	10a1	40	4	10	13	32.5	20	50	3	7.5
1.2	10a2	41	7	17.07	7	17.07	21	51.22	6	14.63
1.3	10a3	40	2	5	13	32.5	21	52.5	4	10
1.4	10a4	42	2	4.76	8	19.05	29	69.05	3	7.14
1.5	10a5	45	1	2.22	11	24.44	32	71.11	1	2.22
1.6	10a6	44	0	0	7	15.91	31	70.45	6	13.64
1.7	10a7	46	0	0	9	19.57	30	65.22	7	15.22
2	Khối 11	285	14	4.91	103	36.1	160	56.1	8	2.81
2.1	11a1	45	8	17.78	22	48.89	15	33.33	0	0
2.2	11a2	43	3	6.98	21	48.84	19	44.19	0	0
2.3	11a3	33	2	6.06	18	54.55	13	39.39	0	0
2.4	11a4	44	1	2.27	12	27.27	30	68.18	1	2.27
2.5	11a5	40	0	0	9	22.5	28	70	3	7.5
2.6	11a6	38	0	0	13	34.21	25	65.79	0	0
2.7	11a7	42	0	0	8	19.05	30	71.43	4	9.52
3	Khối 12	241	36	14.9	135	56	70	29.1	0	0
3.1	12a1	42	13	30.95	27	64.29	2	4.76	0	0
3.2	12a2	37	6	16.22	23	62.16	8	21.62	0	0

3.3	12a3	36	3	8.33	18	50	15	41.67	0	0
3.4	12a4	45	11	24.44	30	66.67	4	8.89	0	0
3.5	12a5	40	2	5	14	35	24	60	0	0
3.6	12a6	41	1	2.44	23	56.1	17	41.46	0	0

2. Kết quả rèn luyện

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường		824	752	91.3	64	7.77	7	0.85	1	0.12
1	Khối 10	298	251	84.2	43	14.4	4	1.34	0	0
1.1	10a1	40	37	92.5	3	7.5	0	0	0	0
1.2	10a2	41	33	80.49	7	17.07	1	2.44	0	0
1.3	10a3	40	33	82.5	6	15	1	2.5	0	0
1.4	10a4	42	37	88.1	5	11.9	0	0	0	0
1.5	10a5	45	38	84.44	7	15.56	0	0	0	0
1.6	10a6	44	36	81.82	8	18.18	0	0	0	0
1.7	10a7	46	37	80.43	7	15.22	2	4.35	0	0
2	Khối 11	285	263	92.3	18	6.32	3	1.05	1	0.35
2.1	11a1	45	44	97.78	1	2.22	0	0	0	0
2.2	11a2	43	40	93.02	2	4.65	1	2.33	0	0
2.3	11a3	33	33	100	0	0	0	0	0	0
2.4	11a4	44	36	81.82	8	18.18	0	0	0	0
2.5	11a5	40	38	95	0	0	2	5	0	0
2.6	11a6	38	35	92.11	2	5.26	0	0	1	2.63
2.7	11a7	42	37	88.1	5	11.9	0	0	0	0
3	Khối 12	241	238	98.8	3	1.24	0	0	0	0
3.1	12a1	42	42	100	0	0	0	0	0	0
3.2	12a2	37	37	100	0	0	0	0	0	0
3.3	12a3	36	36	100	0	0	0	0	0	0
3.4	12a4	45	45	100	0	0	0	0	0	0
3.5	12a5	40	39	97.5	1	2.5	0	0	0	0
3.6	12a6	41	39	95.12	2	4.88	0	0	0	0

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Về thành tích của Học sinh:

Toàn trường có:

+ 01 Học sinh xuất sắc.

+ 65 Học sinh giỏi;

+ 07 tập thể học sinh đạt danh hiệu “Tập thể nề nếp tốt”;

- Cấp huyện, tỉnh:

+ 01 giải Nhì trong cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên tỉnh Đắk Lắk năm 2024.

+ 01 giải Tư trong Cuộc thi KHKT- Khởi nghiệp dành cho học sinh trung học Đắk Lắk năm học 2024-2025.

+ 01 giải Nhất trong ngày hội STEM lần thứ II khối THPT cấp tỉnh năm 2024.

+ 06 giải Nhất, 03 giải Nhì, 02 giải Ba trong Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh học sinh trung học phổ thông tỉnh Đắk Lắk lần thứ VII, năm học 2024 – 2025.

+ 03 giải Ba, 01 giải Khuyến khích trong kỳ thi cấp Quận - Huyện trong cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên Internet dành cho học sinh THPT năm học 2024-2025.

+ 01 giải Nhì, 01 giải Ba trong kỳ thi cấp tỉnh trong cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên Internet dành cho học sinh THPT năm học 2024-2025.

+ 02 Huy Chương Vàng, 04 Huy Chương Đồng trong cuộc thi Olympic 10-3 năm 2025.

+ 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích trong kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh khối THPT năm học 2024-2025

2. Về thành tích của Giáo viên:

- Cấp tỉnh:

+ 11 Sáng kiến đạt giải trong Hội thi viết sáng kiến cấp tỉnh (01 giải B, 10 Giải C);

- Giáo viên đạt CSTĐCS: 16 đồng chí;

- Giáo viên được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo khen 04 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Có 08 tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

Trên đây là báo cáo thường niên của trường THPT Số 1 Tôn Đức Thắng
(kèm theo thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo).

Nơi nhận:

Lãnh đạo, TKHĐ
Công khai TB, Website
Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hữu Hải